

TÌM HIỂU CHỨC NĂNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA GIA ĐÌNH NGƯỜI VIỆT - DƯỚI GIÁC ĐỘ XÃ HỘI HỌC LỊCH SỬ

PHAN ĐẠI DOÃN

Gia đình và dòng họ là hai khái niệm có nội dung phức tạp, đa dạng và có tính lịch sử. Gia đình và dòng họ ở Pháp, Anh, Mỹ không giống Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản; ở Việt Nam cũng có nhiều khác với ở Nhật Bản và Trung Quốc.

Gia đình và dòng họ còn có tính tộc người, của người Việt cũng có nhiều nét khác với người Chăm và các tộc người ở Tây Nguyên. Tính chất tộc người là một tham số không thể bỏ qua khi xét nội dung của hai khái niệm này. Thậm chí ngay trong cùng một tộc người - tộc Việt gia đình và dòng họ ở Nam Bộ cũng có những nét riêng khi đối chiếu với Bắc Bộ. Nói những điều trên không có nghĩa là gia đình của người Việt ở nước ta hoàn toàn khác với Trung Quốc và các nước phương Tây, nó vẫn có những điểm chung và những điểm riêng.

Trong bài viết này tôi chỉ xin đề cập những điểm riêng của gia đình và dòng họ truyền thống Việt Nam, mà chủ yếu là bộ phận người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ.

Gia đình người Việt là một đơn vị xã hội, một tế bào xã hội. Ở phương Tây ngày nay, gia đình có nhiều kiểu, có loại gia đình độc thân, có loại gia đình đồng tính luyến ái, thậm chí có loại gia đình trao đổi vợ chồng. Theo tôi đó là điểm khác thường, "phản truyền thống" của cá nhân chủ nghĩa, biểu hiện một khủng hoảng trong cuộc sống xã hội, xuất hiện trong khoảng 3-40 năm lại đây. Những loại gia đình như trên, cho đến hiện nay chưa thấy xuất hiện ở nước ta.

Gia đình là khái niệm có nội dung không thật chặt chẽ, thậm chí khá co dãn. Nội hàm của khái niệm này tùy địa vực, tùy tộc người, tùy lịch sử mà có biến thái khác nhau. Cùng trên một địa vực đồng bằng sông Hồng, kết cấu và chức năng của một gia đình người Việt năm 1945, năm 1975 và năm 1994 đã có một số biến đổi nhất định, có truyền thống, nhưng cũng có nhiều điểm khác truyền thống.

Tùy theo giác độ khoa học khác nhau mà các nhà khoa học thuộc các chuyên ngành lại có định nghĩa không thống nhất. Có thể nhà tâm lý học xem xét gia đình ở khía cạnh tính cách và ảnh hưởng tương hỗ giữa các thành viên; nhà đạo đức học lại xét gia đình trong khía cạnh nhân phẩm, nhà sử học lại nhìn gia đình trong nội dung văn hóa... Trong bài viết này tôi muốn nêu lên một số đặc điểm của gia đình người Việt (chủ yếu trên đồng bằng Bắc Bộ) dưới giác độ xã hội học lịch sử:

Ở đây tôi phân biệt *gia đình* và *hộ*. Hộ là tổ chức kinh tế có tính chất hành chính và địa lý. Còn gia đình, trước hết là cộng đồng liên hệ huyết thống, một phạm trù xã hội. Ở nông thôn, một gia đình và hộ có mối liên hệ hữu cơ, nhưng không phải là một. Có thể có những hộ độc thân, nhưng trong quan niệm dân gian thì đó chưa hẳn đã là một gia đình hoàn chỉnh.

Gọi gia đình là tế bào xã hội điều này đúng với xã hội Việt Nam, nhưng lại không

hoàn toàn phù hợp với xã hội Tây Âu, Bắc Mỹ. Ở Việt Nam, những quan hệ gia đình và dòng họ có thể coi là sự thu hẹp của các quan hệ xã hội. Gia đình là một cộng đồng nhỏ, dòng họ và làng xã là cộng đồng lớn hơn, bao gồm nhiều cộng đồng nhỏ này. Mặt khác, gia đình Việt Nam lại có tính kế thừa những quan hệ giáo dục, đạo đức, kinh tế... Sự suy thoái của gia đình cũng ảnh hưởng đến xã hội, chẳng hạn giáo dục gia đình sút kém sẽ đưa ra cho xã hội sản phẩm con người không thật tốt. ở Mỹ, mỗi quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội có phần cách biệt, có thể có lợi ích chung và cũng có thể không cùng lợi ích chung. Cả ba không nhất thiết phải hòa hợp. Ngay cả cá nhân và gia đình ở Mỹ có khi không là một đơn vị hoàn chỉnh. Trong trường hợp này, nếu gọi gia đình ở Mỹ là tế bào xã hội thì không thích hợp. Còn trong xã hội Việt Nam từ xa xưa cho đến ngày nay là tế bào, là bản vị của xã hội.

Gia đình ở Việt nam có vị trí quan trọng như vậy còn bởi nhiều lẽ. Ở nông thôn nó kết hợp với dòng họ thành khu vực tụ cư, vui buồn có nhau, sướng khổ bên nhau, ký thác tâm tình. Gia đình là đơn vị giáo dục, truyền thụ những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Đây đó chúng ta gặp những gia đình là "thầy thuốc gia truyền", "thợ mộc truyền nghề", "thợ gốm truyền nghề"... "gia đình thế gia vọng tộc". Gia đình còn là "đơn vị" đạo đức. Từ xa xưa nhiều gia đình đã có "gia phạm", "gia quy", mà ngày nay đây đó ở thành thị và nông thôn cũng có hiện tượng tái lập. Gia đình còn là đơn vị tín ngưỡng, hầu như gia đình nào cũng có bàn thờ ông bà, được đặt ở chỗ trang trọng nhất, trang hoàng đẹp nhất. ở đây có bài vị tổ tiên. Và gia đình còn là đơn vị kinh tế, đặc biệt trong nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc. Trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, gia đình đã dựa vào ruộng "phần trăm" mà tạo nên thu nhập chính.

Trên cơ sở nhận thức gia đình ở nước ta là tế bào xã hội cho nên có người cho rằng gia đình là tổng hòa nhiều quan hệ xã hội, có sức sống riêng, biểu hiện một đặc trưng văn hóa xã hội độc đáo.

Trước Cách mạng tháng 8/1945 ở nông thôn có hai loại gia đình, gia đình của những người lao động nông dân và gia đình của tầng lớp thượng lưu. Kết cấu của hai loại gia đình này không đồng nhất với nhau. ở tầng lớp thượng lưu là đại gia đình, còn tầng lớp lao động thì thường là duy trì gia đình "vừa" ⁽¹⁾.

Thế nào là gia đình lớn, một câu hỏi phần nào có nội dung định lượng. Tôi tạm cho rằng cứ 3 thế hệ và 6 nhân khẩu trở lên là có thể gọi là gia đình lớn". Nếu như vậy thì gia đình truyền thống người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ phần lớn thuộc loại gia đình có hai hoặc ba thế hệ và số lượng 5,6 người thế là vừa vượt qua cái ngưỡng của gia đình nhỏ. Điều này khác với phương Tây; ở bên kia phần lớn là gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân. Mặt khác khái niệm gia đình lớn cũng là khái niệm mới hình thành du nhập vào nước ta trong thời gian gần đây. Cũng không thể cho rằng các kiểu gia đình lớn của Việt Nam hoàn toàn như ở Trung Quốc. Đại gia đình của Trung quốc lớn hơn nhiều, người Trung quốc vẫn thích "tam, tứ đại đồng đường. Tuy nhiên, những diễn biến gần đây của nước này cho biết mong muốn như trên đã giảm hẳn. Theo điều tra của Viện nhân khẩu của trường Đại học Bắc Kinh sẽ lượng 1388 hộ gia đình của ba thôn huyện Xương Bình (Thủ đô Bắc Kinh) năm 1986 thì trên thực tế số lượng đại gia đình chỉ có 12,83% Tỷ lệ này không chỉ là riêng của một địa

⁽¹⁾Tôi dùng gia đình "vừa" để chỉ một trạng thái trung gian.

khu mà có tính đại diện cho nhiều khu vực khác của nước này⁽¹⁾. Ở nước ta trước năm 1945, tầng lớp quan lại và địa chủ mới có điều kiện tạo lập gia đình 3 - 4 thế hệ với hàng chục nhân khẩu (Rất tiếc cho đến nay chưa có số liệu cụ thể). Còn gia đình nông dân lao động thì kết cấu phổ biến là hai hoặc ba thế hệ, một loại gia đình không lớn lắm. Tất nhiên có nhiều trường hợp đẻ nhiều, nhưng lại "hữu sinh vô dưỡng" khiến cho số lượng nhân khẩu cũng duy trì ở mật độ từ 5-7 người. Sự khảo sát kinh tế xã hội gần đây của ủy ban kế hoạch Nhà nước và Tổng cục thống kê năm 1992 - 1993 cho biết "về nhân khẩu bình quân mỗi hộ có 4,96 nhân khẩu, trong đó ở nông thôn là 4,97 và thành thị là 4,94. Về giáo dục, tỷ lệ người biết chữ là 86,6%, nam là 91,41%, nữ là 82,31%; ở thành thị là 99,3% ở nông thôn là 85,76%(2). Từ số liệu trên có thể suy đoán lượng nhân khẩu gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ phổ biến là không dưới 5 người.

Còn về chức năng gia đình người Việt như thế nào? Đây là vấn đề khá hứng thú. Nhà xã hội học, nhà sử học, nhà dân tộc học có thể phân làm mấy loại chức năng: "chức năng vốn có" và "chức năng có tính - xã hội - lịch sử". Chức năng vốn có như: tình yêu, sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái; chức năng có tính lịch sử thì có thể thay đổi theo thời đại và theo sự phát triển xã hội như các chức năng kinh tế, giáo dục, tín ngưỡng.... Các nhà xã hội học lịch sử thường thiên về kiểu phân loại sau.

Giáo dục con cái. Có một thời người ta coi thường giáo dục của gia đình, thậm chí cũng không chú ý đầy đủ đến kỷ cương trật tự trong nhà. Có người áp dụng quan niệm phương Tây, cho rằng: cha mẹ và con cái là *bạn* cùng nhau, con cái có thể phê bình chỉ trích cha mẹ công khai như "đồng chí" với nhau, thế rồi con cái làm gì, cha mẹ không kiểm soát nổi, thậm chí còn buông trôi, thả nổi việc dạy dỗ chúng, "khoán" cho xã hội, cho trường học và đội thiếu nhi. Đây là điều không đúng, thậm chí còn thiếu trách nhiệm.

Nhân dân ta có câu "dạy con từ thuở còn thơ" đã phản ánh chức năng giáo dục của gia đình. Nuôi và dạy con cái vốn có tính tự nhiên bản năng rồi chuyển thành tính xã hội và tinh văn hóa. Gia đình người Việt sống vì con cái. Thật không may cho cặp vợ chồng nào đó không được làm cha, làm mẹ. Bởi vậy nuôi dạy con cái thật sự là nhiệm vụ, vừa là chức năng của gia đình. Cái hư, cái lỗi của trẻ nhiều khi lại do gia đình tạo nên, "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà".

Hiện nay, một số gia đình ở miền Bắc và miền Trung còn tạo ra nếp nhà hay là "gia phong", "gia phạm" "gia lễ", "gia qui" lưu truyền cho lối sống theo "tứ đức" (nhân, nghĩa, lễ, trí) hay "ngũ thường" (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín): Tứ đức hay ngũ thường đều có vai trò tích cực nhất định trong giáo dục gia đình. Đã có một thời, kiểu "gia phạm", "gia qui" không còn nữa. Gia đình (nhất là ở vùng nông thôn) không còn là chủ thể của các con cái, không con là một đơn vị kinh tế "hoàn chỉnh" thì những yếu tố giáo dục gia đình bị suy yếu nhiều. Nhưng sau khoán 10 (1988) tộc họ được hồi phục, nếp sống truyền thống gia đình được phục hồi dần dần, thì đây đó lại xuất hiện kiểu gia phạm, gia qui như thuở trước (tuy có cái biến). Sau đây là vài dẫn chứng: qui phạm họ Doãn năm (1981) tại Hoàng Nhị, huyện Giao Thủy (Nam Hà) có ghi rõ:

(1) Theo tài liệu của Thái Văn Mi "sự biến hóa của qui mô gia đình, quan hệ thân thuộc và kết cấu gia đình nông thôn nước ta", báo cáo của thảo quốc tế về "kết cấu gia đình và nhân khẩu lão hóa năm 1987 tài liệu do Đỗ Tiến Sâm cung cấp.

(2) Bài "khảo sát toàn diện mức sống dân cư ở Việt Nam", báo Nhân dân ngày 22/4/1994. Chúng tôi cho rằng tỷ lệ nhân khẩu thông báo trên cần có lý giải cụ thể, nhất là sau khoảng 10 và luật đất đai. Việc tách hộ gia đình xuất hiện phổ biến

... "Cùng xây dựng từ đường lịch sử.

Tổ tiên ta muôn sự vinh hoa.

Góp công xây dựng nước ta.

Đức tài, văn võ Doãn nhà gia phong.

Góp công sức, tấm lòng vì tổ.

Đề cháu con trong họ gần nhau..."

Hoặc như gia qui họ Phan ở xã Diễn Quảng (Nghệ An) lập năm 1992 lại ghi"

..... Theo tiên tổ học hành tấn tới

Con cháu nhà thắng lợi vẻ vang.

Bên văn, bên võ đàng hoàng.

Góp công, góp sức, đức nhà bền lâu..."

Kiểu gia qui như trên không phải nhà nào cũng có, nhưng thật cũng không hiếm thấy ở thành phố và nông thôn. Cố nhiên không phải gia đình nào, họ nào cũng tạo gia phong giữ nếp nhà, những vùng nông thôn nghèo khổ "chạy ăn, chạy mặc" thì không có "gia phong". Nhưng ở nơi nào kinh tế phát triển và gia đình cán bộ trung cao cấp ở thành thị thì người ta thích lập gia phả "gia phong"⁽¹⁾. Nội dung và phương pháp bảo lưu gia phong là sự ước thúc theo lễ nghĩa, giữ gìn nhân cách, cố gắng học hành.

Nội dung giáo dục gia đình không chỉ có nếp sống mà còn có vấn đề truyền thụ kỹ năng sản xuất, bí mật nhà nghề. Phải chăng, do đặc điểm xã hội, các giai tầng thường hay có sự lưu động chuyển hóa, "ai giàu ba họ; ai khó ba đời" đời cha giàu có nhưng con cháu có thể nghèo hèn, bởi vậy sự truyền nghề là có ý thức tạo kinh tế ổn định lâu dài cho các thế hệ sau. Nghề thuộc gia truyền, nghề rèn gia truyền... đã thể hiện điều này.

Nuôi dưỡng người già. Tục ngữ dân ta có câu "Trẻ cậy cha, già cậy con" đã nói lên chức năng của gia đình người Việt là nuôi dưỡng người già. Nhân dân ta từ xưa đã có câu Kinh già, già để tuổi cho", một quan niệm, một thể ứng xử văn minh trong gia đình và xã hội. Các nho sĩ còn nói "Lão giả an chi, thiếu giả hoài chi" (người già được yên ổn, trẻ nhỏ được ôm ấp tử tế) cũng cùng một ý nghĩa. Pháp luật các thời Lê, Nguyễn đều có điều lệ: con cháu phải có trách nhiệm nuôi nấng đối với cha mẹ ông bà già. *Quốc triều hình luật* điều 38 ghi "Con cháu thay thế ông bà cha mẹ chịu tội roi hoặc tội trượng đều được giảm một bậc. Điều 506 ghi rõ "Các con cháu không theo lời dạy bảo, và không phụng dưỡng, mà bị ông bà đi thưa thì phải tội đồ làm khao đình; con nuôi, con có kế tự mà thất hiếu với cha nuôi, cha kế, thì phải tội kém trên một bậc và mất những tài sản đã được chia cho" (2). Luật thời Nguyễn cũng có những điều lệ tương tự, bộ *Hoàng triều luật lệ*, phần Hình cũng có những qui định con cháu phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng ông bà. Trong *Huấn định thập điều* ban hành thời Minh Mạng (1820-1840) ghi rõ ngay trong điều thứ nhất: "Đôn nhân luân": Còn như phụng sự phụ mẫu tất lấy lòng hiếu kính".

(1) Những nghiên cứu về gia đình- dòng họ lần đây của các học giả Trung Quốc cũng cho biết vùng Giang Nam (Phúc Kiến, Giang Tô, Quảng Đông gia đình tông tộc có chiều phát triển, chặt bền hơn vùng Hoa Bắc, cũng có hiện tượng tạo lập Gia ký, gia phong. Xem "*Trung Quốc đích gia dữ quốc*" của Nhạc Khánh Bình, Cát Lâm xuất bản xã. 1990.

(2) Chúng tôi dựa vào sách *Quốc triều hình luật*, do Cao Nãi Quang phiên âm và dịch nghĩa, Luật khoa đại học xuất bản, Sài Gòn, 1956...

Nuôi dưỡng cha mẹ già là nội dung của đạo *hiếu*. Đây là nguyên tắc ứng xử cao nhất trong gia đình người Việt đã có từ xa xưa, được nho giáo bổ sung thêm, tạo nên cái gốc của nhân luân. Khổng Tử nói "Điều hiếu ngày nay, đó là nuôi dưỡng (cha mẹ), đến như chó ngựa còn được nuôi dưỡng. Không (hiếu) kính thì làm sao mà phân biệt được (người và vật)? (nguyên văn "Kim chí hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí vu khuyến mã, giai năng hữu dưỡng. Bất kính, hà dĩ biệt hồ?", *Luận ngữ*, thiên vi chính). (Tống Nho đã đẩy đạo hiếu tới cho ngu hiếu, theo sách *Hiếu kinh* (thời Trung Quốc Cổ đại) thị hiếu không chỉ là nhân luân mà cao hơn nữa là "Thiên đạo" (đạo trời): Khổng Tử nói: cái hiếu, đó là kính nghĩa của trời đất, việc làm của dân" (nguyên văn: Tử viết: phũ hiếu, thiên chi kính, địa chi nghĩa, dân chi hành dã)⁽¹⁾

Nuôi dưỡng người già - nội dung quan trọng trong đạo *hiếu* - bởi có từ xa xưa được củng cố thêm bằng quan niệm nhân luân Nho giáo không thể không nói đó là ưu điểm. Điều này cũng có phần khác với gia đình phương Tây. Học giả Trung Quốc là Lâm Ngữ Đường, từng là giáo sư Đại học Bắc Bình (Bắc Kinh, Trung Quốc) một thời làm trưởng ban văn nghệ của cơ quan Văn hóa Liên hiệp quốc có viết "Khi so sánh đời sống phương Đông và phương Tây, tôi không thấy hai bên có những chỗ bất đồng tuyệt đối, trừ điểm này: Thái độ đối với người già. Những chỗ bất đồng về thái độ hai bên đối với nam nữ, sự làm việc, sự du hí, sự thành công đều là tương đối cả. Những quan hệ giữa vợ chồng ở phương Tây không khác ở phương Đông là bao, ngay đến những quan hệ giữa cha mẹ và con cái, những quan niệm về tự do cá nhân, về dân chủ, những quan hệ về dân chúng và nhà cầm quyền thì cũng vậy. Nhưng về thái độ đối với người già thì phương Tây trái hẳn phương Đông"⁽²⁾.

Ngày nay trên thế giới, thái độ đối với người già được coi như là tiêu chí của văn hóa, văn minh. Tôi muốn nhắc thêm nhận xét của Lâm Ngữ Đường về thái độ của người Phương Tây đối với vấn đề này: "Điều đó hiện rõ trong cách hỏi tuổi nhau hoặc nói tuổi mình cho người ta biết. ở người Trung Hoa (ở cả người Việt Nam - PDD) hai người mới quen nhau, sau khi hỏi tên, họ biết nhau rồi, tất hỏi đến "quí canh" (tuổi) của nhau. Nếu đối phương khiêm nhường đáp: mới hai mươi hoặc hai mươi tám thì người hỏi an cứ liền rằng: tiền đồ còn dài còn vẻ vang, còn hưởng được nhiều phúc. Nhưng nếu đối phương đáp là ba mươi lăm hoặc ba mươi tám thì người hỏi tỏ ngay vẻ tôn kính, khen là có phúc; mà tuổi đối phương càng cao thì lòng tôn kính càng tăng... Lễ thọ lục tuần quý hơn lễ ngũ tuần, lễ thất tuần lại quý hơn lục tuần, và người nào làm lễ bát tuần thì được khen là "trời riêng hậu đãi"⁽³⁾

Nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà cũng là tiêu chuẩn của đạo đức con người. Vào thời Nguyễn cho đến đầu thế kỷ này, nhiều luật lệ nhà nước còn khuyến khích hoặc tạo điều kiện cho quan lại đang làm việc nơi khác được về quê nuôi dưỡng bố mẹ. Cao Xuân Dục (1842-1923) trong sách *Quốc triều hương khoa lục* ghi khá nhiều trường hợp người đang làm quan xin về quê nuôi dưỡng cha mẹ già như Phan Tự tuy mới ngoài 50 tuổi cũng xin về quê ở Đông Thành, Nghệ An nuôi cha mẹ. Cũng như trên có Hoàng Văn Kỳ (người Đông Ngàn, Kinh Bắc), Lê Văn Hoán (người Hương Sơn, Hà Tĩnh)...

Ngày nay chức năng nuôi dưỡng người già trong gia đình nhìn chung vẫn còn được duy trì ở nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, đây đây đó đã có hiện tượng hắt hủi, đưa đẩy

⁽¹⁾ về quan niệm hiếu tôi đã trình bày trong nghiên cứu "Gia đình truyền thống trong mối quan hệ với nhà nước làng xã và dòng họ", lưu trữ tại Viện Xã hội học, 1990.

⁽²⁾ Lâm Ngữ Đường. *Trung hoa sinh hoạt dịch nghệ thuật*, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê lấy nhan đề là *Sống đẹp*, Nxb Văn hóa 1993, tr .144-1145

người già ra khỏi gia đình trái ngược với đạo hiếu truyền thống dân tộc. Hiện tượng này tuy còn là cá biệt và có thể là một khuynh hướng trong chuyển đổi giá trị của kinh tế thị trường mở rộng, cần đề phòng.

Tổ chức sản xuất. - Gia đình truyền thống ở Việt Nam vốn là đơn vị tổ chức sản xuất trong nền kinh tế tự cấp tự túc. Sản xuất của gia đình bị sút kém thì kinh tế xã hội bị suy giảm.

Hàng mấy nghìn năm qua, cả xã hội Việt Nam đều dựa vào kinh tế hộ gia đình. Trong chiến tranh chống Pháp, Chống Mỹ, sản xuất gia đình có bị đình trệ, có nhiều lúc bị thu hẹp về nhân lực, bị tàn phá vì bom đạn nhưng vẫn được duy trì bởi *tính đàn hồi* của nó. Chính nhờ tính đàn hồi này mà kinh tế gia đình chịu đựng được thiên tai địch họa dẻo dai và khôi phục lại rất nhanh chóng. Hơn hai triệu tấn gạo xuất khẩu hàng năm trong mấy năm qua là nhờ kinh tế hộ gia đình là chính. Trong gia đình có *chủ gia đình*, có khi cũng được gọi là *chủ hộ*. Ở nông thôn, *trung nông* chính là người tổ chức tốt, đồng thời cũng là khuôn mặt kinh tế - văn hoá làng xã, sức đàn hồi chủ yếu là ở nhưng gia đình này.

Dẫu rằng trong xã hội nông nghiệp cổ nhiều kiểu thức kinh doanh như tự canh, như làm thuê hay thuê mướn, như trang trại ngay cả trong nền kinh tế tập thể hợp tác xã vừa qua thì gia đình vẫn là một đơn vị, một tổ chức sản xuất. Trong xã hội cũ, sự phân chia nghề nghiệp và địa vị xã hội là sĩ, công, nông, thương, nhưng nông vẫn ở vị trí cơ bản, quan trọng nhất và tất cả phải dựa vào nông. Nếu so sánh văn minh Đông Tây, thì có thể cho rằng Tây-Âu chủ yếu là văn minh thương nghiệp, còn phương Đông (trong đó có nước ta) chủ yếu là văn minh nông nghiệp kiểu đồng ruộng, còn ân độ thì chủ yếu là văn minh đậm nét sơn lâm. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước sẽ sản sinh ra các loại gia đình đông con.

Trong gia đình người Việt, số lượng người đông, việc điều hành sản xuất và kinh doanh, cũng như tạo cuộc sống ổn định hòa hợp và "đối ngoại" phải có người đứng đầu. Trong xã hội nông nghiệp, sức lao động là nguồn tài sản quan trọng, nhờ có nhân lực đông, biết tính toán mà từ nghèo sang giàu. Sự huy động nhân lực trong sản xuất và kinh doanh cũng đòi hỏi phải có người điều khiển, chỉ huy. Đó chính là "chủ gia đình làm nhiệm vụ điều phối các công việc sản xuất, chỉ tiêu, các mối quan hệ giữa người trong gia đình (già, trẻ, mạnh, yếu nam, nữ, dâu, con). Trong gia đình nông nghiệp (dẫu có thêm thủ công nghiệp hay buôn bán), sự phân cấp nhân lực trong gia đình, nhìn chung vẫn lấy thế hệ: già - trung niên - trẻ tuổi trong đó trung niên thường có vị trí chủ yếu - chủ gia đình.

Xã hội ta ngày nay, hơn 80% dân số ở nông thôn, gia đình nông nghiệp ở vị trí chi phối thì vai trò của chủ gia đình vẫn còn quan trọng, thường cũng là gia trưởng. Gia trưởng có khi là người quản lý tài sản, khi không quản lý tài sản.

Còn nếu tìm đặc điểm gia đình người Việt thì theo tôi có hai đặc điểm đáng lưu ý là tài sản cộng đồng và quan hệ dòng họ.

Tài sản cộng đồng, tư hữu cá nhân không hoàn chỉnh. ở nước ta, gia sản không phải bao giờ cũng chỉ của một người, mà là của tất cả các thành viên trong gia đình theo thể thức khác nhau cùng hưởng. Nói cách khác, ở nông thôn truyền thống có gia sản mà không có "tư sản". Trừ một số có ý nghĩa riêng biệt như đồ mặc, giấy dếp, v.v... là có ý nghĩa cá nhân, còn nhà cửa, ruộng, vườn, ao, vườn, trâu, bò vẫn là sở hữu gia đình. Cùng sống trong gia đình, với tư cách thành viên chính thức, ông bà, cha mẹ, con cháu không thể có ruộng riêng, vườn riêng, ao riêng, nhà riêng tách biệt và nếu có "cửa riêng" đó thì cũng là biệt lệ.

Tài sản chung gia đình là nét đặc trưng truyền thống từ xa xưa đến nay hầu như vẫn nguyên vẹn, nhà giàu cũng như nhà nghèo. ở nhà giàu có, đủ thỏa mãn sinh hoạt cho từng cá nhân, sự phân chia phải chăng không cần thiết; còn người nghèo khổ thì tài sản ít quá,

sự phân nhỏ nữa lại khó tiến hành.

Cộng cư là tiền đề của sở hữu gia đình. Nhưng chính kiểu sở hữu gia đình lại củng cố lối sống cộng cư, hạn chế sự phân ly cá nhân. Sống trong mái nhà chung, dưới sự điều khiển của cha, anh (chủ gia đình) là chỗ dựa tin cậy, hạn chế sức ly tâm trong nội bộ, miễn rằng người chủ gia đình đó công bằng, dù có khổ sở nghèo nàn mà vẫn "không sợ nghèo, chỉ sợ chia không công bằng".

Bàn về gia đình người Việt không thể không nói đến chế độ kế thừa gia sản. Phong tục và luật lệ truyền thống cho biết việc chế độ kế thừa tài sản trong gia đình ta có 2 đặc điểm:

- *Phân chia cho các con cái, cả trai và gái.*

Luật triều Lê quy định: "Cha mẹ có ruộng đất khi mất chưa kịp để lại chúc thư, mà anh em, chị em tự chia nhau, thì lấy 1/20 số ruộng đất làm hương hỏa giao cho người con trai trưởng giữ, còn thì chia nhau. Phần con của vợ lẽ, nàng hầu thì phải kém" (*Quốc triều hình luật*, điều 388). Bộ luật còn quy định cụ thể "Người giữ hương hỏa có con trai trưởng thì dùng con trai trưởng, không có con trai trưởng thì dùng con gái trưởng, ruộng đất hương hỏa cho lấy 1/20" (điều 391).

Luật thời Nguyễn cũng chấp nhận chia ruộng đất cho các con cái như trên, riêng con gái không được nhận tài sản ruộng đất; tuy nhiên trong thực tế theo phong tục, con gái cũng được nhận nhưng có giám bớt và không được giữ hương hỏa như thời Lê.

Việc phân chia kế thừa gia sản như trên lại ngăn chặn khuynh hướng gia đình quá lớn nhưng đồng thời lại tạo nên một liên hiệp gia đình, vừa phân tán vừa tập trung ở mật độ nhất định. Dân gian ta có câu "Ai giàu ba họ, ai khó ba đời" đã phản ánh một loại gia đình thường xuyên phân tán và cũng khiến cho sự cách biệt giữa nghèo sang hèn giữa các thế hệ không thể kéo dài, không đến đỉnh cao quá đáng. Tuy nhiên, tục ngữ trên cũng diễn tả một vòng tuần hoàn về kinh tế - xã hội tạo nên tâm lý và tư tưởng ngưng tụ, an phận.

Dòng họ ở nước ta, dòng họ có từ bao giờ? Có người cho rằng có từ thời thị tộc nguyên thủy rồi kéo dài ra cho đến ngày nay. Suy nghĩ như vậy tưởng như một logique dễ hiểu. Tôi cho rằng, dòng họ như đang tồn tại đến ngày nay không phải đã có từ thị tộc nguyên thủy, mà chỉ xuất hiện trong vòng vài nghìn năm lại đây, lúc đầu ở khu vực trung tâm chính quyền, ở các trấn ly rồi lan dần ra các vùng nông thôn từ đồng bằng sông Hồng đến Thanh Nghệ⁽¹⁾.

Không phải tất cả các dòng họ của người Việt đều giống nhau, mà khách quan có nhiều điểm riêng biệt. Do là họ giàu và họ nghèo, họ sang và họ hèn, dòng họ của tầng lớp quan lại nho sĩ, trí thức và dòng họ của tầng lớp lao động thấp kém v.v...

Khoảng cách biệt đó không chỉ thể hiện trong kinh tế - xã hội, mà cả về mặt văn hóa, tư tưởng. Một dòng họ nghèo nàn vừa ít gia đình và nhân khẩu, vừa kém thế lực trong làng xã thì tông pháp - tông phong lỏng lẻo, đơn sơ. Họ nghèo vẫn giữ gìn mô mã tổ tiên, vẫn cúng ông cha rất thận trọng kính cẩn, nhưng có khi không có nhà thờ họ riêng, không có đến cả gia phả (hoặc nếu có thì cũng đơn sơ). Một làng quê ở Miền Bắc có đến hàng chục họ hay hơn, nhưng không phải tất cả đều có gia phả, có nhà thờ họ riêng. Tất nhiên, có nhiều họ có gia phả, có nhà thờ họ. Sự cách biệt này đâu đó cũng tạo ra mâu thuẫn đi đến xung khắc, hoặc ít ra cũng coi thường nhau.

Khoảng cách giữa các dòng họ đang dần dần rút ngắn do sự phát triển về kinh tế -

(1) Đây là vấn đề xã hội lịch sử, chúng tôi đã phát biểu trên Tạp chí Xã hội học số 3-1990, sẽ trở lại trong một dịp khác

xã hội. Những nơi nào, những dòng họ nào, tương đối giàu có, có nhiều người học hành, làm nhiều cán bộ thì kết cấu dòng họ lại chặt chẽ hơn. Có một thực tế là tổ chức dòng họ lại phát triển ở vùng kinh tế hàng hóa phát triển (ở thành phố, thị xã, thị trấn...) hơn vùng nông thôn thuần nông ở tầng lớp cán bộ lại mạnh mẽ hơn ở các tầng lớp lao động khác. Điều này cho biết rằng dường như tổ chức dòng họ không phải là ngày càng lỏng lẻo, rời rạc hoặc đang dần dần giải thể mà như là ngày được củng cố, phức tạp, phong phú và đa dạng hơn. Có thể cho rằng đây là xu hướng vận động của gia đình dòng họ hiện nay và mấy năm tới. Dòng họ và gia đình có mối liên hệ hữu cơ hòa quyện lẫn nhau như là tích hợp những đơn thể trong quần thể. Muộn nhất là từ đầu thế kỷ thứ 19 đến nay sự tích hợp trong dòng họ đã biến nó thành tổ chức mà có lần tôi gọi đó là chế độ tông tộc - tông pháp với từ đường, ruộng họ và gia phả. Chính quyền Pháp thuộc đã sử dụng dòng họ để quản lý làng xã, thành lập "Hội đồng tộc - biểu" (từ năm 1921 - 1941 với quan hệ tộc quyền để điều khiển con người và tổ chức xã hội).

Trong lịch sử nửa thế kỷ qua, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong Cải cách ruộng đất (1955-1956) và trong Hợp tác hóa nông nghiệp dòng họ có bước suy giảm. Những tác động bên ngoài gia đình, ngoài dòng họ là nguyên nhân của sự suy giảm này. Đất nước chiến tranh liên miên đã chuyển một bộ phận nhân lực ra chiến trường, rồi tập thể hóa kinh tế nông nghiệp là nguyên nhân và điều kiện làm suy giảm hẳn vị thế dòng họ. Đặc biệt là do chức năng kinh tế, gia đình ở vào thế bị động.

Sau khi hòa bình trở lại đất nước thống nhất thì gia đình và dòng họ như được phục hưng cùng với thôn làng trong vị thế mới. Sự phát triển đồng chiều như vậy có những lý do là sự đổi mới vừa qua. Sự phát triển cao của kinh tế hàng hóa trong tương lai chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến con đường vận hành này.

Dòng họ là gì? Tôi cho rằng dòng họ có hai nghĩa chính: - Theo nghĩa hẹp đó là quan hệ huyết thống (thân sơ khác nhau), có một mối quan hệ tín ngưỡng và kinh tế nhất định (có nhà thờ, và có thể có "vốn" chung trước kia có ruộng hương hóa), nhưng không chung một ngôi nhà, một bếp, các gia đình duy trí quan hệ ngang; - Theo nghĩa rộng thì dòng họ, ngoài mối liên hệ ngang lại có mối liên hệ dọc đứng, đến 9 đời (cửu tộc), ngoài ra còn có quan hệ nội ngoại, nhưng huyết thống bên nội là quan hệ quyết định nhất.

Tuy nhiên, tổ chức dòng họ còn có quan hệ lãnh thổ, quan hệ nghề nghiệp, quan hệ tín ngưỡng, đây đó còn có quan hệ học hành.

Quan hệ lãnh thổ của dòng họ trước hết là cùng một làng thôn. Người trong họ thường ở chung với nhau trong một làng, cụm lại trong một xóm, một ngõ⁽¹⁾. Làng Việt thường có nhiều họ, tuy nhiên cá biệt cũng có làng một họ hoặc vài ba họ mà một số địa danh như

Đào Xá, Nguyễn Xá, Phan Xá, Đặng Xá... đã phản ánh điều này. Dù là một hay nhiều họ thì quan hệ lãnh thổ đã gắn kết những người cùng họ. Nhiều làng ở vùng đồng bằng sông Hồng còn lấy họ làm đơn vị giáp, cho nên "hội đồng tộc biểu" thời Pháp thuộc cũng còn gọi là "hội đồng giáp biểu". Như ở làng Bình Bang có giáp họ Nguyễn, giáp họ Nguyễn Thạc. Làng ngày xưa phần nhiều là đơn vị hành chính, nên tổ chức họ giáp cũng phần nào mang tính hành chính. Tục ngữ "trong họ ngoài làng" đã nói lên vị trí của dòng họ trong quan hệ địa vực hành chính. Điều này cũng tạo nên "tộc quyền" nhất định.

Dòng họ còn mang quan hệ nghề nghiệp chuyên nghiệp. Có họ chuyên làm thuốc.

Chẳng hạn họ Phó ở Đa ngư (Châu giang, Hải Hưng) là dòng họ chuyên làm chuyên bán

(1) Xem bài của Nguyễn Khắc Tụng, "Tích chất cư trú theo quan hệ dòng họ có tác dụng gì trong nông thôn hiện nay. *Nông thôn Việt nam trong lịch sử* tập 2. Nxb KHXH, HN. 1978. tr. 92-101.

và bốc thuốc Bắc nổi tiếng trong nhiều thế kỷ cho đến ngày nay. Ở Báo Đáp (Nam Ninh, nam Hà) có các dòng họ Nguyễn, Phạm chuyên nhuộm và bán thuốc nhuộm. Phần lớn người họ Lê ở làng Trà-Đông (Thịệu Hóa, Thanh Hóa) làm nghề đúc đồng...

Dòng họ còn có truyền thống học hành, khoa cử. Điều này thể hiện khá nhiều trong thời Lê, Nguyễn. Một số dòng họ lớn có nhiều người, thế hệ này nối tiếp thế hệ sau học hành, thi cử, đỗ đạt và làm quan, tạo nên những "vọng tộc". Hình như tỉnh nào cũng có một số vọng tộc. Họ Vũ ở Mỗ Trạch (Bình Giang, Hải Hưng) nổi tiếng từ thời Trần phát triển mạnh vào thời Hậu Lê được gọi là "ô tiến sĩ" (tiến sĩ sào). Họ Nguyễn ở làng Kim Đôi (thị xã Bắc Ninh, Hà Bắc) đã có gần chục tiến sĩ và rất nhiều cử nhân thời Lê Nguyễn. Họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu, Nghệ An) trong nhiều thế kỷ đã có hàng chục tiến sĩ trạng nguyên đời nối đời đỗ đạt và làm quan. dòng họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai (Hà Tây) nhiều thế hệ có người đỗ tiến sĩ, cử nhân, cung cấp một "Ngô gia Văn phái". Có thể kể thêm dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu (Can Lộc, Hà Tĩnh) thời Hậu Lê, đầu Nguyễn đã có nhiều nhà văn lớn như Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Huy Hồ với các truyện "Mai Đình Mộng Kỳ", "Hoa Tiên" nổi tiếng. Ngày nay các "vọng tộc" trên không còn như xưa, những ảnh hưởng vẫn còn lưu lại không ít đến hậu thế.

Sau khoản 10 (1988), sau Luật đất đai (1993) sản xuất nông nghiệp được phát triển vai trò của gia đình ngày càng được củng cố. Và gắn liền với nó là dòng họ đề cao (những yếu tố tông pháp): Đã có một thời, người ta cho rằng dòng họ là bộ phận, là cơ sở của chế độ phong kiến quân chủ. Cách nói này chỉ đúng một phần. Tôi cho rằng gia đình (và dòng họ) sản phẩm của sự biến thiên xã hội đồng thời cũng góp phần tác động vào sự biến thiên này. Gia đình và dòng họ là một hiện tượng xã hội tế nhị và nhạy cảm. Các nhà quản lý ứng xử với nó trong một "xã hội dân sự phương Đông" như nước ta cũng cần như vậy.